**Bài 59: RÚT GỌN PHÂN SỐ ( TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

*- Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Bước đầu nhận biết về rút gọn phân số và phân số tối giản.

*- Năng lực mô hình hóa:* Vận dụng cách rút gọn phân số vào thực tiễn cuộc sống.

*- Năng lực giải quyết vấn đề toán học:* Biết cách rút gọn phân số (trong một số trường hợp đơn giản)

**2. Năng lực chung.**

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động học tập, tìm hiểu cách rút gọn phân số. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được cách rút gọn phân số trong thực tiễn.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn trong cách rút gọn phân số và tìm phân số tối giản.

 **3. Phẩm chất.**

*- Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Phẩm chất chăm chỉ:* Có tinh thần chăm chỉ học tập, tự giác suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

*- Phẩm chất trách nhiệm:* Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Phiếu học tập

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra tính chất cơ bản của phân số.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi: “Ai nhanh ai đúng” để khởi động bài học.- Cách chơi: GV yêu cầu HS tìm các phân số bằng với phân số $\frac{4}{6} $trong số các thẻ ghi đã chuẩn bị sẵn. Trong thời gian 1 phút bạn nào tìm được nhiều phân số đúng nhất sẽ là người chiến thắng.- Gv tổ chới lớp chơi trò chơi (thời gian: 2’)- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới: *Qua trò chơi các em đã nhớ lại được các tính chất cơ bản của phân số. Vậy vận dụng tính chất cơ bản của phân số như thế nào để rút gọn phân số thì cô và cả lớp cùng tìm hiểu qua bài 59: Rút gọn phân số (Tiết 1).* | - HS lắng nghe.- HS tham gia trò chơi: “Ai nhanh ai đúng”- HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:****-** Mục tiêu: - Bước đầu nhận biết về rút gọn phân số và phân số tối giản.- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa; năng lực giao tiếp, giải quyết vấn đề toán học.**-** Cách tiến hành: |
| - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK (GV chiếu lên bảng)- Hỏi: Tranh vẽ gì?- Hỏi: Các bạn đã làm thế nào để giải quyết câu đố đó?- Hỏi: Em có nhận xét gì về phân số $\frac{9}{12}$ và phân số $\frac{3}{4}$ ?***\* Rút gọn phân số:*** - GV nêu: Ta thấy: $\frac{9}{12}$ = $\frac{3}{4}$ . Tử số và mẫu số của phân số $\frac{3}{4}$ đều nhỏ hơn tử số và mẫu số của phân số $\frac{9}{12}$ nên ta nói rằng: phân số $\frac{9}{12}$ đã được rút gọn thành phân số $\frac{3}{4}$.- GV nhận xét: 3 và 4 không cùng chia hết cho một số tự nhiên nào lớn hơn 1, nên phân số không thể rút gọn được nữa. Ta nói rằng: + phân số $\frac{3}{4} $là phân số tối giản.+ phân số $\frac{9}{12}$ đã được rút gọn thành phân số tối giản $\frac{3}{4}$.***\* Cách rút gọn phân số:*** - Hỏi: Làm thế nào để rút gọn phân số?- GV chốt kiến thức (bổ sung nếu HS trả lời chưa đầy đủ)- Mời cả lớp rút gọn phân số $\frac{15}{25}$- Mời HS nêu cách rút gọn, nhận xét, tuyên dương. | - Một bạn nam đố các bạn tìm phân số bằng với phân số $\frac{9}{12}$nhưng có tử số và mẫu số bé hơn.- Sử dụng tính chất cơ bản của phân số “chia cả tử và mẫu của phân số $\frac{9}{12} $cho 3, thì được phân số $\frac{3}{4}$”.- $\frac{9}{12}$ = $\frac{3}{4}$ . Tử số và mẫu số của phân số $\frac{3}{4}$ đều nhỏ hơn tử số và mẫu số của phân số $\frac{9}{12}$.- Xét xem cả tử và mẫu số cùng chia hết cho một số tự nhiên lớn hơn 1- Chia cả tử số và mẫu số cho số đó.- HS lắng nghe.- 1 HS lên bảng, lớp làm bảng con.$$\frac{15}{25}= \frac{15 :5}{25 :5 }= \frac{3}{5}$$ |
| **3. Luyện tập, thực hành**- Mục tiêu:- Biết cách rút gọn phân số (trong một số trường hợp đơn giản)- Cách tiến hành: |
| **\* Bài 1: Rút gọn các phân số**- Mời HS nêu yêu cầu bài tập 1.- Mời HS nêu cách rút gọn phân số.- Tổ chức làm bài cá nhân.- Tổ chức trình bày, chia sẻ.- Nhận xét, tuyên dương.- Hỏi: Em có nhận xét gì về những phân số mới sau khi rút gọn?- Hỏi: Qua bài 1 rèn luyện kĩ năng gì?*Chốt, chuyển sang BT2:* *Ở các phân số của bt1 chỉ cần thực hiện 1 lần chia là đã nhận được phân số tối giản. Vậy có phải đối với toàn bộ phân số, ta chỉ thực hiện 1 lần chia là đã nhận được phân số tối giản hay không? Chúng ta sang BT2 nhé.*  | - 1 HS nêu YC.- 1 HS nêu cách rút gọn.- Tổ 1,2 làm câu a,b. Tổ 3,4 làm câu c,d. Làm vở. 2 bạn làm phiếu lớn.$a) \frac{2}{10}= \frac{2:2}{10:2}= \frac{1}{5}$ b) $\frac{9}{6}= \frac{9 :3}{6 :3}= \frac{3}{2}$c) $\frac{5}{20}= \frac{5 :5}{20:5}= \frac{1}{4}$ d) $\frac{6}{16}= \frac{6:2}{16:2}= \frac{3}{8}$- Dán phiếu lớn. Lớp chia sẻ.- Lắng nghe.- Phân số tối giản.- HS nêu ý kiến: Rèn luyện kĩ năng rút gọn phân số. |
| **\* Bài 2: Rút gọn các phân số sau về phân số tối giản**- Mời HS nêu yêu cầu bài tập 2.- Mời HS nêu cách rút gọn phân số.- Tổ chức làm bài cá nhân.- Tổ chức nhận xét, chia sẻ.- Nhận xét, tuyên dương.Lưu ý HS cần rút gọn đến khi nhận được phân số tối giản.- Hỏi: Qua bài 1 rèn luyện kĩ năng gì?*Chốt: Quá trình tìm đến phân số tối giản có nhiều cách khác nhau (có thể chia 1 lần hoặc chia nhiều lần) nên bước trung gian không cần giống nhau. Chỉ khi rút gọn được phân số tối giản mới dừng lại.* | - 1 HS nêu YC.- 1 HS nêu cách rút gọn.- Mỗi tổ làm 1 câu. 4 bạn lên bảng.$a) \frac{8}{16}=\frac{8:8}{16:8}=\frac{1}{2}$ b) $\frac{10}{30}=\frac{10 :10}{30: 10}=\frac{1}{3}$c) $\frac{24}{18}= \frac{24: 6}{18:6}= \frac{4}{3}$ d) $\frac{20}{28}= \frac{20:4}{28:4}= \frac{5}{7}$Dự kiến sẽ có trường hợp HS rút gọn 2, 3 lần.$a) \frac{8}{16}=\frac{8:2}{16:2}=\frac{4}{8}$ $=\frac{4 :4}{8:4}=\frac{1}{2}$- Lớp nhận xét, chia sẻ.- Lắng nghe.- 2 HS nhắc lại phần **Ghi nhớ.**- HS nêu ý kiến: Rèn luyện kĩ năng rút gọn phân số đến phân số tối giản. |
| **4. Vận dụng**- Mục tiêu:+ Vận dụng rút gọn phân số vào thực tế.+ Củng cố cách rút gọn phân số.- Cách tiến hành: |
| - GV nêu: Lớp 4A1 có 34 học sinh, trong đó có 18 bạn nữ. Hỏi số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần số học sinh cả lớp? Hãy rút gọn phân số vừa tìm được.- Nhận xét, tuyên dương.- Mời HS nhắc lại cách rút gọn phân số.- Nhận xét tiết học- Về xem lại bài đã làm trên lớp. | - HS lắng nghe và trả lời câu hỏi.$$\frac{18}{34}=\frac{18:2}{34:2}=\frac{9}{17}$$ |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**Bài 59: RÚT GỌN PHÂN SỐ ( TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

*- Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Bước đầu nhận biết về rút gọn phân số và phân số tối giản.

*- Năng lực mô hình hóa:* Vận dụng cách rút gọn phân số vào thực tiễn cuộc sống.

*- Năng lực giải quyết vấn đề toán học:* Biết cách rút gọn phân số (trong một số trường hợp đơn giản)

**2. Năng lực chung.**

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động học tập, tìm hiểu cách rút gọn phân số. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được cách rút gọn phân số trong thực tiễn.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn trong cách rút gọn phân số và tìm phân số tối giản.

 **3. Phẩm chất.**

*- Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Phẩm chất chăm chỉ:* Có tinh thần chăm chỉ học tập, tự giác suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

*- Phẩm chất trách nhiệm:* Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Phiếu học tập

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra cách rút gọn phân số.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi: “Ai nhanh ai đúng” để khởi động bài học.- Cách chơi: GV yêu cầu HS tìm các phân số bằng với phân số $\frac{4}{6} $trong số các thẻ ghi đã chuẩn bị sẵn. Trong thời gian 1 phút bạn nào tìm được nhiều phân số đúng nhất sẽ là người chiến thắng.- Gv tổ chới lớp chơi trò chơi (thời gian: 2’)- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới: *Qua trò chơi các em đã nhớ lại được các tính chất cơ bản của phân số. Vậy vận dụng tính chất cơ bản của phân số như thế nào để rút gọn phân số thì cô và cả lớp cùng tìm hiểu qua bài 59: Rút gọn phân số (Tiết 1).* | - HS lắng nghe.- HS tham gia trò chơi: “Ai nhanh ai đúng”- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập, thực hành**- Mục tiêu:+ Củng cố cách rút gọn phân số và nhận biết phân số tối giản.- Cách tiến hành: |
| **\* Bài 3:** - Mời HS nêu yêu cầu bài tập 3.- Mời HS nêu dấu hiệu nhận biết phân số tối giản.- Tổ chức làm bài nhóm 4.- Tổ chức trình bày, chia sẻ.- Nhận xét, tuyên dương.- Hỏi: Qua bài 3 em ôn lại được kiến thức gì? | - 1 HS nêu YC.- 1 HS nêu dấu hiệu nhận biết.- Thảo luận nhóm.a) phân số tối giản: $\frac{1}{5}$; $\frac{7}{6}; \frac{9}{19}$.b) phân số tối giản: $\frac{1}{2}$; $\frac{2}{3}; \frac{3}{11}$.phân số chưa tối giản: $\frac{4}{6}$; $\frac{2}{8}; \frac{3}{15}$.$\frac{4}{6}= \frac{2}{3}$; $\frac{2}{8}=\frac{1}{4}$; $\frac{3}{15}=\frac{1}{5}$- 2 nhóm chia sẻ. Lớp nhận xét.- Lắng nghe.- HS nêu ý kiến: ôn lại cách nhận biết phân số tối giản. |
| **\* Bài 4:** - Mời HS nêu yêu cầu bài tập 4.- Tổ chức làm bài nhóm đôi.- Tổ chức nhận xét, chia sẻ.- Nhận xét, tuyên dương.- Hỏi: Qua bài 4 em củng cố được kĩ năng gì?- Theo em, để tìm được phân số tối giản nhanh, gọn, em cần lưu ý điều gì? | - 1 HS nêu YC.- Tiến hành làm việc nhóm.a) Nhận xét: + Hiếu lần lượt thực hiện chia cả tử số và mẫu số cho 2 và 3.+ Thảo thực hiện chia cả tử số và mẫu số cho 6.Hai bạn đều thu được phân số tối giản là $\frac{2}{3}$b) $\frac{30}{60}= \frac{30 :10}{60:10}=\frac{3}{6}=\frac{3:3}{6:3}= \frac{1}{2}$.Cách 2: $\frac{30}{60}= \frac{30 :30}{60:30}=\frac{1}{2}$- Lớp nhận xét, chia sẻ.- Lắng nghe.- HS nêu ý kiến: Rèn luyện kĩ năng rút gọn phân số đến phân số tối giản.- HS nêu ý kiến: Cần tìm số chia lớn nhất để chỉ cần thực hiện chia 1 lần. |
| **4. Vận dụng**- Mục tiêu:+ Củng cố cách rút gọn phân số.- Cách tiến hành: |  |
| - Mời HS nêu yêu cầu bài tập 5.- Tổ chức làm bài cá nhân.- Nhận xét, tuyên dương.***\* Củng cố, dặn dò:***- Qua bài học này em học được điều gì?- Mời HS nhắc lại cách rút gọn phân số.- Nhận xét tiết học- Về xem lại bài đã làm trên lớp. | - HS suy nghĩ, trả lời cá nhâna) Số câu trả lời đúng là:12: 16 = $\frac{12}{16}$$$\frac{12}{16}=\frac{12:4}{16:4}=\frac{3}{4}$$- HS nêu.- 2 HS nêu.- Lắng nghe. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**Bài 60: QUY ĐỒNG MẪU SỐ CÁC PHÂN SỐ ( TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

*- Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Biết cách quy đồng mẫu số hai phân số (trường hợp mẫu số chung là một trong 2 mẫu số của 2 phân số đã cho).

*- Năng lực mô hình hóa:* Vận dụng cách quy đồng mẫu số vào thực tiễn cuộc sống.

*- Năng lực giải quyết vấn đề toán học:* Biết thực hành quy đồng mẫu số hai phân số.

**2. Năng lực chung.**

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động học tập, tìm hiểu cách quy đồng mẫu số hai phân số. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được cách quy đồng mẫu số trong thực tiễn.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn trong cách tìm mẫu số chung và quy đồng mẫu số hai phân số.

**3. Phẩm chất.**

*- Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Phẩm chất chăm chỉ:* Có tinh thần chăm chỉ học tập, tự giác suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

*- Phẩm chất trách nhiệm:* Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Phiếu học tập

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra tính chất cơ bản của phân số.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi: “Ai nhanh ai đúng” để khởi động bài học.- Cách chơi: GV yêu cầu HS tìm các phân số bằng với phân số $\frac{1}{4} $trong số các thẻ ghi đã chuẩn bị sẵn. Trong thời gian 1 phút bạn nào tìm được nhiều phân số đúng nhất sẽ là người chiến thắng.- Gv tổ chới lớp chơi trò chơi (thời gian: 2’)- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới: *Qua trò chơi các em đã nhớ lại được các tính chất cơ bản của phân số. Vậy vận dụng tính chất cơ bản của phân số như thế nào để quy đồng mẫu số các phân số thì cô và cả lớp cùng tìm hiểu qua bài 60: Quy đồng mẫu số các phân số (Tiết 1).* | - HS lắng nghe.- HS tham gia trò chơi: “Ai nhanh ai đúng”- HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:****-** Mục tiêu: - Biết cách quy đồng mẫu số hai phân số (trường hợp đơn giản).- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hóa; năng lực giao tiếp, giải quyết vấn đề toán học.**-** Cách tiến hành: |
| - Cho HS quan sát tranh trong SGK (chiếu tivi) và hỏi: Tranh vẽ gì?- Hỏi: Phân số $\frac{3}{8}$ có mẫu số là bao nhiêu?- Vậy các em hãy tìm phân số bằng $\frac{1}{4}$ và có mẫu số là 8. - Tổ chức chia sẻ.- Nhận xét, tuyên dương.- GV chốt: Vừa rồi các em đã sử dụng tính chất cơ bản của phân số để viết phân số mới bằng $\frac{1}{4}$.**\* Ví dụ:**Cho 2 phân số $\frac{1}{4} $và $\frac{3}{8}$ . Hãy viết 2 phân số trên thành 2 phân số có cũng mẫu số là 8.- Mời HS đọc ví dụ.- Cho HS suy nghĩ cách viết 2 phân số trên thành 2 phân số có cũng mẫu số là 8.- GV chốt: Việc áp dụng tính chất cơ bản của phân số để biến 2 phân số $\frac{1}{4} $và $\frac{3}{8}$ thành 2 phân số có mẫu số chung là 8 được gọi là ***quy đồng mẫu số***. Bây giờ chúng ta cùng tìm hiểu rõ hơn về cách quy đồng mẫu số qua phần 2.**\* Cách quy đồng mẫu số hai phân số**- Cô có 2 phân số $\frac{2}{3} $và $\frac{5}{6}$. Theo em làm thế nào để quy đồng 2 phân số trên?- GV nhận xét, tuyên dương.- Mời HS nêu lại các bước quy đồng mẫu số. | - Bạn nam đố bạn nữ tìm phân số bằng $\frac{1}{4}$ nhưng có cùng mẫu số với $\frac{3}{8}$.- Mẫu số là 8.- Thảo luận nhóm đôi.$$\frac{1}{4}= \frac{1×2}{4×2}= \frac{2}{8}$$- 2 nhóm chia sẻ, lớp nhận xét.- 2HS đọc to, lớp theo dõi.- HS đọc thầm, nêu cách thực hiện.$$\frac{1}{4}= \frac{1×2}{4×2}= \frac{2}{8}$$Phân số $\frac{3}{8}$ giữ nguyên.- Lắng nghe.- HS đọc SGK và nêu: + Tìm mẫu số chung của 2 phân số:Vì 6 chia hết cho cả 3 và 6 nên MSC là 6.+ Thực hiện quy đồng mẫu số:$$\frac{2}{3}= \frac{2×2}{3×2}= \frac{4}{6}$$Phân số $\frac{5}{6}$ giữ nguyên.- Lắng nghe.- 2 HS nêu:B1: Tìm mẫu số chung.B2: Thực hiện quy đồng mẫu số. |
| **3. Luyện tập, thực hành**- Mục tiêu:- Biết cách tìm mẫu số chung của 2 phân số.- Biết thực hành quy đồng mẫu số hai phân số.- Cách tiến hành: |
| **\* Bài 1: Tìm mẫu số chung của 2 phân số**- Mời HS nêu yêu cầu bài tập 1.- Tổ chức làm bài nhóm đôi.- Tổ chức trình bày, chia sẻ.- Nhận xét, tuyên dương.- Hỏi: Em có nhận xét gì về mẫu số chung với mẫu số của 2 phân số?*- Lưu ý: Cách tìm MSC nhanh nhất đó là xem mẫu số của 1 trong 2 phân số có chia hết cho mẫu số còn lại không. Nếu chia hết thì lấy mẫu số đó làm MSC.*- Hỏi: Qua bài 1 rèn luyện kĩ năng gì?- Chốt, chuyển sang BT2. | - 1 HS nêu YC.- Tổ 1,2 làm câu a,b. Tổ 3,4 làm câu c,d. TLN 2.$a) \frac{7}{3}và \frac{8}{15}$ có MSC là 15. b) $\frac{1}{64}và \frac{3}{8}$ có MSC là 64.c) $\frac{21}{22}và \frac{7}{11}$ có MSC là 22. d)$ \frac{4}{25}và \frac{72}{100}$ có MSC là 100. - 1 bạn hỏi – 1 bạn trả lời. 2 nhóm chia sẻ. Lớp nhận xét.- Lắng nghe.- MSC là 1 trong 2 mẫu số của 2 phân số.- Lắng nghe.- HS nêu ý kiến: Rèn luyện kĩ năng tìm MSC. |
| **\* Bài 2:** - Mời HS nêu bài tập 2.- Hỏi: Bài 2 yêu cầu làm gì?- Tổ chức làm bài nhóm đôi.- Tổ chức trình bày, chia sẻ.- Nhận xét, tuyên dương.- Chốt: Vậy việc viết 2 phân số khác mẫu số thành 2 phân số có MSC chính là quy đồng mẫu số.- Hỏi: Qua bài 2 củng cố cho em kiến thức gì? | - 1 HS đọc YC.- Viết phân số $\frac{11}{42}và \frac{5}{6}$thành 2 phân số có MSC.- HS suy nghĩ tìm cách làm. 1 nhóm làm phiếu lớn.+ MSC: 42+ 42 : 6 = 7. Nên lấy cả tử và mẫu nhân với 7.+ $\frac{5}{6}=\frac{5×7}{6×7}$=$\frac{35}{42}$. Giữ nguyên $\frac{11}{42}.$+ Vậy ta được 2 phân số $\frac{35}{42}$ và $\frac{11}{42}$- Dán phiếu lớn, lớp nhận xét.- Lắng nghe. - Củng cố cách quy đồng mẫu số.+ Tìm MSC+ Tìm thương của MSC với MS còn lại+ Nhân cả tử và mẫu của phân số kia với thương tìm được. Giữ nguyên phân số có mẫu số là MSC. |
| **4. Vận dụng**- Mục tiêu:+ Củng cố cách quy đồng mẫu số.- Cách tiến hành: |
| - Hỏi: Qua bài này em học được điều gì?- Mời HS nêu lại cách quy đồng mẫu số. | - Học được cách tìm MSC và quy đồng mẫu số.- HS nêu. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**Bài 60: QUY ĐỒNG MẪU SỐ CÁC PHÂN SỐ ( TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

*- Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Biết cách quy đồng mẫu số hai phân số (trường hợp mẫu số chung là một trong 2 mẫu số của 2 phân số đã cho).

*- Năng lực mô hình hóa:* Vận dụng cách quy đồng mẫu số vào thực tiễn cuộc sống.

*- Năng lực giải quyết vấn đề toán học:* Biết thực hành quy đồng mẫu số hai phân số.

**2. Năng lực chung.**

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động học tập, tìm hiểu cách quy đồng mẫu số hai phân số. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được cách quy đồng mẫu số trong thực tiễn.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn trong cách tìm mẫu số chung và quy đồng mẫu số hai phân số.

**3. Phẩm chất.**

*- Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Phẩm chất chăm chỉ:* Có tinh thần chăm chỉ học tập, tự giác suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

*- Phẩm chất trách nhiệm:* Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Phiếu học tập

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra cách tìm MSC của phân số.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi: “Ai nhanh ai đúng” để khởi động bài học.- Cách chơi: GV yêu cầu HS nêu nhanh MSC của 2 phân số mà GV chiếu bảng. Bạn giơ tay nhanh sẽ được trả lời. Trả lời đúng sẽ có thưởng.- Gv tổ chức lớp chơi trò chơi (thời gian: 2’)- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới: *Qua trò chơi các em đã nhớ lại được cách tìm MSC của phân số để dễ dàng cho việc QĐMS. Bây giờ cô và cả lớp cùng thực hành cách QĐMS qua bài 60: Quy đồng mẫu số các phân số (Tiết 2).* | - HS lắng nghe.- HS tham gia trò chơi: “Ai nhanh ai đúng”- HS lắng nghe. |
| **2. Luyện tập, thực hành**- Mục tiêu:- Thực hành quy đồng mẫu số hai phân số.- Củng cố lại cách rút gọn phân số.- Cách tiến hành: |
| **\* Bài 3: Quy đồng mẫu số 2 phân số**- Mời HS đọc và nêu yêu cầu bài tập 3.- Mời HS nêu các bước quy đồng mẫu số.- Tổ chức làm bài cá nhân.- Tổ chức nhận xét.- Nhận xét, tuyên dương.- Hỏi: Qua bài 3 rèn luyện kĩ năng gì?- Mời HS nhắc lại các bước QĐMS.- Chốt, chuyển sang BT4. | - 1 HS đọc, 1 HS nêu YC.- 1 HS nêu.- Tổ 1 làm câu a. Tổ 2 làm câu b. Tổ 3,4 làm câu c. 3 HS lên bảng.a) + MSC: 10+ 10 : 2 = 5. Nên lấy cả tử và mẫu phân số kia nhân với 5.+ $\frac{1}{2}=\frac{1×5}{2×5}$=$\frac{5}{10}$. Giữ nguyên $\frac{1}{10}.$+ Vậy ta được 2 phân số $\frac{5}{10}$ và $\frac{1}{10}$b) c) d) làm tương tự.- Lớp nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe.- HS nêu ý kiến: Rèn luyện kĩ năng quy đồng mẫu số 2 phân số.- HS nêu: + B1:Tìm MSC+ B2:Tìm thương của MSC với MS còn lại+ B3: Nhân cả tử và mẫu của phân số kia với thương tìm được. Giữ nguyên phân số có mẫu số là MSC. |
| **\* Bài 4:** - Mời HS đọc và nêu YC bài tập 4.- Hỏi: Theo em, ở B4 chúng ta cần làm những gì?- Tổ chức làm bài nhóm đôi.- Tổ chức làm bài nhóm đôi.- Tổ chức trình bày, chia sẻ.- Nhận xét, tuyên dương.- Hỏi: Qua bài 2 củng cố cho em kiến thức gì? | - 1 HS đọc, 1 HS nêu YC.- Rút gọn rồi sau đó quy đồng MS.- Viết phân số $\frac{11}{42}và \frac{5}{6}$thành 2 phân số có MSC.- Tổ 1 làm câu a. Tổ 2 làm câu b. Tổ 3,4 làm câu c. 3 nhóm làm phiếu lớn.a) $\frac{15}{12}$ và $\frac{27}{6}$+ Rút gọn: $\frac{15}{12}$= $\frac{5}{4}$; $\frac{27}{6}=\frac{9}{2}$+ MSC: 4+ $\frac{9}{2}=\frac{9×2}{2×2}$=$\frac{18}{4}$. Giữ nguyên $\frac{5}{4}$+ Vậy ta được 2 phân số $\frac{18}{4}$ và $\frac{5}{4}$Câu b, c làm tương tự.- Dán phiếu lớn, lớp nhận xét.- Lắng nghe. - Củng cố cách rút gọn và quy đồng mẫu số hai phân số. |
| **3. Vận dụng**- Mục tiêu:+ Vận dụng quy đồng mẫu số vào thực tiễn.+ Củng cố cách quy đồng mẫu số.- Cách tiến hành: |
| **\* Bài 5:** - Mời HS đọc.- Hỏi: Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?- Tổ chức thảo luận nhóm 4.- Tổ chức trình bày.**\* Củng cố, dặn dò:** - Qua bài học hôm nay em củng cố được điều gì?- Cần lưu ý gì khi quy đồng mẫu số. | - 1 HS đọc bài.- HS trả lời.- HS suy nghĩ cách làm theo nhóm.- 2 nhóm trình bày, lớp chia sẻ, bổ sung.- Củng cố cách rút gọn và quy đồng mẫu số hai phân số.- HS nêu. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**Bài 61: SO SÁNH HAI PHÂN SỐ CÙNG MẪU SỐ ( TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

*- Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Biết so sánh hai phân số có cùng mẫu số. Nhận biết phân số bé hơn hoặc lớn hơn 1.

*- Năng lực mô hình hóa:* Vận dụng cách so sánh hai phân số có cùng mẫu số vào thực tiễn cuộc sống.

*- Năng lực giải quyết vấn đề toán học:* Biết thực hành so sánh hai phân số có cùng mẫu số và so sánh phân số với 1. Sắp xếp được các phân số cùng mẫu theo thứ tự.

**2. Năng lực chung.**

*- Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động học tập, tìm hiểu cách so sánh hai phân số có cùng mẫu số. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đề xuất được cách so sánh hai phân số có cùng mẫu số trong thực tiễn.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Trao đổi, thảo luận với bạn trong cách so sánh hai phân số có cùng mẫu số và so sánh phân số với 1.

**3. Phẩm chất.**

*- Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

*- Phẩm chất chăm chỉ:* Có tinh thần chăm chỉ học tập, tự giác suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

*- Phẩm chất trách nhiệm:* Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Phiếu học tập

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi trước giờ học. + Kiểm tra cách so sánh số tự nhiên.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức trò chơi: “Thi tiếp sức” để khởi động bài học.- Cách chơi: Mỗi đội cử ra 6 bạn để điền dấu >,<,= vào các bài so sánh số tự nhiên đã chuẩn bị sẵn. Trong thời gian 1 phút đội nào điền đúng và nhanh nhất sẽ là đội chiến thắng.- Gv tổ chới lớp chơi trò chơi (thời gian: 2’)- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới: *Qua trò chơi các em đã nhớ lại được cách so sánh số tự nhiên. Vậy so sánh phân số như thế nào thì cô và cả lớp cùng tìm hiểu qua bài 61: So sánh hai phân số có cùng mẫu số (Tiết 1).* | - HS lắng nghe.- HS tham gia trò chơi: “Thi tiếp sức”- HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:****-** Mục tiêu: - Biết cách so sánh hai phân số có cùng mẫu số.**-** Cách tiến hành: |
| - Cho HS quan sát tranh trong SGK (chiếu tivi) và hỏi: Tranh vẽ gì?- Tổ chức cho HS thảo luận nêu cách giải quyết.- Tổ chức chia sẻ.- Nhận xét, tuyên dương.**\* Ví dụ:**- Mời HS đọc ví dụ.- GV chiếu 2 băng giấy và tô màu vào phần chỉ số phân số tương ứng và chốt: Phần đã tô màu của băng giấy thứ nhất bé hơn phần đã tô màu của băng giấy thứ hai. Hay nói cách khác$\frac{1}{4}$ < $\frac{3}{4}$**\* Cách so sánh hai phân số có cùng mẫu số** - GV hỏi: Muốn so sánh hai phân số cùng mẫu số ta làm thế nào?- GV nhận xét, chốt lại cách so sánh.- Cho ví dụ, mời HS so sánh.- Nhận xét, tuyên dương. | - Cô giáo đố 2 bạn $\frac{1}{4}$ băng giấy làm lá hay $\frac{3}{4}$ băng giấy làm hoa lớn hơn.- Thảo luận nhóm bàn.- 2HS đọc to, lớp theo dõi.- HS đọc thầm, nêu cách thực hiện.- Lắng nghe.- HS đọc SGK và trả lời: + Phân số nào có tử số bé hơn thì bé hơn.+ Phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn.+ Nếu tử số bằng nhau thì 2 phân số bằng nhau.- Lắng nghe.- 3 HS so sánh và giải thích.$\frac{2}{11}$<$\frac{9}{11}$; $\frac{5}{8}$>$\frac{3}{8}$; $\frac{2}{3}$=$\frac{2}{3}$ |
| **3. Luyện tập, thực hành**- Mục tiêu:- Biết cách so sánh hai phân số có cùng mẫu số.- Biết thực hành so sánh hai phân số có cùng mẫu số.- Cách tiến hành: |
| **\* Bài 1: Tìm mẫu số chung của 2 phân số**- Mời HS nêu yêu cầu bài tập 1.- Tổ chức làm bài cá nhân.- Tổ chức chia sẻ.- Nhận xét, tuyên dương.- Hỏi: Em có nhận xét gì về tử số và mẫu số của phân số $\frac{100}{100}$?- GV nêu thêm: Phân số có tử số bằng mẫu số thì phân số đó bằng 1.- Hỏi: Qua bài 1 rèn luyện kĩ năng gì? | - 1 HS nêu YC.- Lớp làm vở. Sau đó 8 bạn lên bảng.a) $\frac{1}{5}$<$\frac{3}{5}$; b) $\frac{9}{10}$>$\frac{3}{10}$; c) $\frac{7}{12}$<$\frac{11}{12};$ d) $\frac{7}{8}$>$\frac{5}{8}$e)$ \frac{17}{100}$<$\frac{23}{100}$; g)$ \frac{4}{10}$>$\frac{1}{10}$; h)$\frac{100}{100}>\frac{49}{100}$; k) $\frac{15}{15}$<$\frac{2}{15}$ - Lớp nhận xét.- Lắng nghe.- tử số bằng mẫu số.- Lắng nghe.- HS nêu ý kiến: Rèn luyện kĩ năng so sánh phân số cùng mẫu. |
| **4. Vận dụng**- Mục tiêu:+ Liên hệ so sánh hai phân số cùng mẫu số vào thực tiễn.- Cách tiến hành: |
| - GV nêu: Cô dành $\frac{2}{5}$ diện tích bảng để viết và $\frac{3}{5}$ bảng để đặt tivi. Theo em phần viết và phần đặt ti vi phần nào lớn hơn?- Hỏi: Qua bài này em học được điều gì?- Mời HS nêu lại cách so sánh hai phân số cùng mẫu số. | - HS suy nghĩ và so sánh.- Học được cách so sánh hai phân số cùng mẫu số và so sánh phân số với 1.- HS nêu. |
| **IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |